

Bản án số: 81/2018/DS-ST

Ngày: 19-11-2018

V/v “tranh chấp hợp đồng
bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sua;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Hồng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số 65, Đường H, Khu phố 7, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Đào Văn X, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 15, Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 15, Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Lưu Kim C, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: E4/6B, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Phan Thị H trình bày:

Nguyên vào ngày 28/4/2017, bà có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng khi nào trả tiền gốc thì tính lãi. Khi vay bà B có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 08/5/2017 trả và có thể chấp cho bà 01 giấy chứng minh nhân dân (CMND), 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ), tất cả đều là bản chính do bà Lưu Kim C đứng tên. Mục đích bà B vay tiền là để chuộc bà C ở Casino về. Sự việc này do bà B nói khi vay tiền của bà, bà không có gặp và cũng không biết bà C.

Ông Đào Văn X có viết trong giấy mượn tiền nếu bà B không trả thì ông X sẽ trả cho bà. Nhưng từ ngày 08/5/2017 đến nay, bà B không trả. Căn cứ vào giấy mượn tiền, nay bà yêu cầu ông X phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 08/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà đồng ý trả lại các giấy tờ bản chính mang tên bà C do bà B giao cho bà khi vay tiền lại cho bà C ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án.

Bị đơn – ông Đào Văn X: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông X không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị B và bà Lưu Kim C: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà B, bà C không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phan Thị H. Buộc ông Đào Văn X có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 30.000.000 đồng cùng tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý Tòa án xác định là “tranh chấp hợp

đồng vay tài sản”. Quá trình giải quyết vụ án và căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn cư trú tại: Số 15, Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Ông Đào Văn X, bà Nguyễn Thị B và bà Lưu Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X, bà B và bà C.

*** Về nội dung:**

[1] Tại phiên tòa, bà Phan Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đào Văn X trả cho bà số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cùng tiền lãi suất với mức 0.83%/tháng kể từ ngày 08/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm do bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ngày 28/4/2017 (bút lục 40) thể hiện “Họ và địa chỉ số nhà” của bà H không đúng nhưng tại phiên tòa, bà H trình ra các bản chính giấy tờ mang tên bà Lưu Kim C do bà B giao cho bà H khi vay tiền, phù hợp với các giấy tờ mang tên bà Lưu Kim C (bản photo) do bà H giao nộp cùng với đơn khởi kiện và phù hợp với giấy mượn tiền ngày 28/4/2017. Do ông X viết và ký tên vào giấy mượn tiền với nội dung: “Ngày 08 tháng 5 năm 2017 nếu bà Nguyễn Thị B không trả tôi trả” nên bà H khởi kiện ông X với tư cách là người bảo lãnh.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Trong đó, ông X, bà B đã trực tiếp ký nhận Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do đó, có cơ sở kết luận giữa bà H với bà B có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản với nhau vào ngày 28/4/2017 và ông X ký bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà B như bà H đã trình bày.

[2] Xét yêu cầu về tiền lãi suất thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H trình bày khi vay giữa bà và bà B không thỏa thuận lãi suất nên bà yêu cầu ông X trả tiền lãi suất với mức 0.83%/tháng kể từ ngày 08/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 1 năm 6 tháng 11 ngày tiền lãi suất. Cụ thể: 30.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 1 năm 6 tháng 11 ngày = 4.573.000 (bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

[3] Xét các giấy tờ (bản chính) mang tên của bà Lưu Kim C, bao gồm: Giấy CMND, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận QSDĐ số CH00437 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp ngày 21/12/2010 do bà B giao cho bà H khi vay tiền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C nhưng bà C không đến và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà H và trình bày lý do vì sao bà B có được các giấy tờ của bà C để giao cho bà H khi vay tiền. Nên không có cơ sở để xem xét buộc bà H có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ trên cho bà C mà bà H có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ (bản chính) mang tên bà Lưu Kim C cho bà B theo hợp đồng vay tài sản hai bên đã xác lập.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

[4] Về án phí: Ông Đào Văn X phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc ông Đào Văn X có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền 34.573.000 (ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn) đồng, bao gồm: 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền vay gốc và 4.573.000 (bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Phan Thị H có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ (bản chính) mang tên Lưu Kim C cho bà Nguyễn Thị B bao gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân + 01 sổ hộ khẩu + 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00437 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/12/2010 .

2. Về án phí:

Ông Đào Văn X phải chịu 1.729.000 (một triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019240 ngày 04/6/2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng